

Bản án số: 03/2018/DS-ST

Ngày 30-03-2018

*“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Thơm và ông Nguyễn Ngọc Tấn.

*- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Phạm Văn Thê.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:* ông Hoàng Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/3/ 2018 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2017 /TLST-DS, ngày 30 tháng 11 năm 2017 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03 /2018/QĐST-DS, ngày 22 tháng 2 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2018 ngày 12 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Ông Văn Hữu N.

*Địa chỉ:* Số 160, Phan Bội Châu, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

*- Người được nguyên đơn ủy quyền:* Ông Nguyễn Minh L (Có mặt)

*Địa chỉ:* Số 59, Tôn Đức Thắng, Phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk

*- Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T (Vắng mặt)

*Địa chỉ:* Thôn 03, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, người đại diện theo quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 24/7/2017 ông Văn Hữu N có cho ông Nguyễn Văn T vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) hai bên có viết giấy tờ tay với nhau, không có lãi suất, thời hạn trả nợ ngày 14/8/2017. Tiếp đến ngày 14/8/2017 ông N cho ông T vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) hai bên có viết giấy tờ tay với nhau, không có lãi suất, thời hạn trả nợ ngày 24/8/2017, tổng cộng hai lần vay là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Khi đến thời hạn trả nợ ông T không trả tiền cho ông N nên ông N đã

đòi nhiều lần nhưng ông T vẫn không chịu trả, do vậy ông N khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện C yêu cầu ông T phải trả cho ông N tổng cộng số tiền hai lần vay là 50.000.000đồng và yêu cầu tính lãi suất chậm trả nợ tính từ ngày 25/8/2017.

Đối với bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện C đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án, trong thông báo nêu rõ việc ông N kiện đòi ông T số tiền 50.000.000đ, ngoài ra trong thông báo còn thể hiện trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Thông báo này, ông T phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của ông N và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố. Trường hợp cần gia hạn, thì phải có đơn xin gia hạn gửi cho Tòa án nêu rõ lý do để Tòa án xem xét. Hết thời hạn này mà người được thông báo không nộp cho Tòa án văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, thì Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã 02 lần giao giấy triệu tập trực tiếp cho ông T, nhưng ông T vẫn không chấp hành, Tòa án đã 02 lần giao trực tiếp thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông T, nhưng ông T đều vắng mặt, không có lý do nên vụ án không hòa giải được.

Ngày 22/02/2018 Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, phiên tòa mở vào ngày 12/3/2018 nhưng ông T vắng mặt không có lý do, phiên tòa hoãn đến ngày 30/3/2018 mở lại. Toàn bộ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa đều giao trực tiếp cho ông T, nhưng ông T đều vắng mặt không có lý do, nên hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình, bị đơn Tòa án đã giao trực tiếp các văn bản tố tụng cho ông T đúng theo quy định của pháp luật, nhưng ông T không chấp hành, vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ 02, nên HĐXX xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông T phải trả cho ông N số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1] . Về tố tụng:

- Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: ông Văn Hữu N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T, có địa chỉ: Thôn 3, xã T, huyện C, Đắk Nông trả số tiền mà ông T đã

vay. Vì vậy, quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Còn trong thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung:

Xét hợp đồng vay tài sản giữa ông Văn Hữu N với ông Nguyễn Văn T là hoàn toàn có thật, điều đó được thể hiện qua giấy vay tiền giữa ông N và ông T xác lập 24/7/2017 và xác lập ngày 14/8/2017, mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ bản gốc có chữ ký của ông T. Đến hạn ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông N khởi kiện ông T, để ông T được quyền trình bày ý kiến của mình về việc vay mượn tiền của ông N, Tòa án đã giao thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông T, đồng thời triệu tập ông T và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần. Tại phiên họp, hòa giải ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, ông T đã tước bỏ quyền của mình và phải chịu hậu quả không chứng minh được quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Xét hợp đồng vay tài sản giữa ông N và ông T xác lập ngày 24/7/2017, ông N cho ông T vay 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) thời hạn trả nợ ngày 14/8/2017; Hợp đồng vay tài sản xác lập ngày 14/8/2017 ông T vay tiền của ông N số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) thời hạn trả nợ ngày 24/8/2017 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật, theo quy định tại điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, ông N khởi kiện ông T yêu cầu ông T phải trả cho ông N số tiền 50.000.000đ và tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 25 tháng 8 năm 2017 là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu của ông N yêu cầu ông T trả cho ông N số tiền gốc cho hai khoản vay là 50.000.000đ và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu của ông N.

Đối với yêu cầu lãi suất chậm trả của ông Văn Hữu N đối với ông Nguyễn Văn T được tính theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Văn Hữu N yêu cầu ông Nguyễn Văn T trả số tiền lãi chậm trả từ ngày 25 tháng 8 năm 2017 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30 tháng 3 năm 2018 là 07 tháng 5 ngày, như vậy:  $50.000.000đ \times (0,83\% \times 7 \text{ tháng} + 0,83\%/30 \times 5 \text{ ngày}) = 2.974.000 \text{ đồng}$ .

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu khởi kiện của ông Văn Hữu N là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N. Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho ông Văn Hữu N số tiền 50.000.000đ tiền gốc và tiền lãi chậm trả 2.974.000 đồng; tổng cộng gốc và lãi là: 52.974.000 đồng.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là  $52.974.000đ \times 5\% = 2.648.700đ$  (Làm tròn 2.648.500đ)

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 2.648.500 đồng. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm

mười nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000976 ngày 29/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Văn Hữu N.

1. Buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho ông Văn Hữu N số tiền gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm trả 2.974.000đ (hai triệu chín trăm, bảy mươi chín nghìn đồng), tổng cộng gốc và lãi là 52.974.000đ (năm mươi hai triệu, chín trăm, bảy mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật ông Văn Hữu N có đơn yêu cầu thi án án Nguyễn Văn T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

2. Về án phí: Buộc Nguyễn Văn T phải nộp 2.648.500đ (hai triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Văn Hữu N số tiền 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000976 ngày 29 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**NGUYỄN THỊ LAN**